

Y-CADET OPEN

2024 SL ISHINO SERIES POINT RANKING

RANK	No.	Driver	Entrant	Round.1		Round.2		Round.3		Round.4		Round.5		Round.6		Round.7		TOTAL	
				P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	無効pt.	有効pt.
1	3	本田 羽	Ash		20		12	3	15		-	3	20	3	20		18	0	114
2	1	赤池 凜翔	GRG with HIGUCHI		15	3	20		20		-		0		15	3	30	0	106
3	51	朝倉 大虎	Ash	3	10		8		10	3	20		12		10		6	6	76
4	19	川井 雄太	AUTO-TEC with F.L.R		8		15		12		15		6		2		5	2	61
5	22	小林 尚瑛	Ash		6		4		8		12		10		8		12	4	56
6	25	北村 紳	KC NAGAHARA		12		10		-		-		-		12		9	0	43
7	66	黒川 琥牙	Ash		4		6		6		-		15		4		4.5	0	39.5
8	16	飯山 楓馬	シロキヤKC		2		-		2		10		8		3		0	0	25
9	14	新橋 武	Shigma Racing		-		-		-		-		-		-		22.5	0	22.5
10	31	牛山 陽貴	TEAMぶるーと		3		3		3		-		-		-		0	0	9
10	76	高橋 司	HIGUCHI RT		-		-		-		-		-		6		3	0	9
12	33	西村 斉恭	Ash		-		-		-		8		-		-		-	0	8
13	17	古賀 瑛輝	MAC SYSTEMS/BLU		-		-		4		-		-		-		-	0	4
14	20	丹羽 舜也	HIGUCHI RT		-		-		-		-		-		1		1.5	0	2.5
15	10	鳥井 悠	F.L.R		-		-		-		-		-		0		0	0	0
15	12	水口 壱晴	HIGUCHI RT		-		-		-		-		-		0		0	0	0
15	28	丹羽 絢士	HIGUCHI RT		-		-		-		-		-		0		0	0	0
																			0
																			0

SL全国大会への有効ポイント順位となります。

YAMAHA-TIA Jr.

2024 SLISHINO SERIES POINT RANKING

RANK	No.	Driver	Entrant	Round.1		Round.2		Round.3		Round.4		Round.5		Round.6		Round.7		TOTAL	
				P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	無効pt.	有効pt.
1	2	藤岡 優輔	Ash	3	20		20	3	20	3	20	3	20		-		-	0	112
2	3	福田 隼	TEAMぶるーと		10	3	15		15		0		12	3	12	3	22.5	0	95.5
3	32	池田 晴紀	ガレージ茶畑		-		10		10		15		-		15		12	0	62
4	17	近藤 海琉	T-Style with ぶるーと		12		12		12		-		-		20		-	0	56
5	37	河澄 泰樹	Ash		4		4		-		8		10		8		18	0	52
6	31	峯澤 匠	TEAMぶるーと		3		6		6		10		8		10		9	3	49
7	11	加藤 巖	T-Style with ぶるーと		6		3		4		12		4		3		6	3	35
8	33	成尾 啓志	T-Style with ぶるーと		8		8		8		6		-		2		-	0	32
9	73	大野 優輝	Ash		-		-		-		-		-		-		30	0	30
10	30	後藤 隆汰	TEAMぶるーと		-		1		2		4		-		6		5	0	18
11	4	中野 貴介	T.オキツマツダ Power by LUCE		-		-		-		-		15		-		-	0	15
11	26	梅村 悠斗	T-Style with ぶるーと		15		-		-		-		-		-		-	0	15
11	47	深谷 湊平	T-Style with ぶるーと		2		2		1		0		6		4		-	0	15
14	8	黒野 晃一	TEAMぶるーと		-		-		3		-		-		-		-	0	3
																			0
																			0
																			0
																			0
																			0
																			0
																			0

SL全国大会への有効ポイント順位となります。

YAMAHA-SUPER SS

全国大会有効ポイント

2024 SL ISHINO SERIES POINT RANKING

RANK	No.	Driver	Entrant	Round.1		Round.2		Round.3		Round.4		Round.5		Round.6		Round.7		TOTAL	
				P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	無効pt.	有効pt.
1	5	藤井 亮介	どんぐり with HRT		-		-		-		-		-		20		-		20
2	2	澤部 朝男	TACC・HIGUCHI RT		-		-		-		-		-	3	15		-		18
3	52	石垣 和哉	HIGUCHI RT		-		-		-		-		-		12		-		12
4	57	中嶋 康貴	T.WEST RS		-		-		-		-		-		10		-		10
5	6	中島 遼介	どんぐり with HRT		-		-		-		-		-		8		-		8
6	50	藤本 吉勇	HIGUCHI RT		-		-		-		-		-		6		-		6
7	44	杉 由麻	どんぐり with HRT		-		-		-		-		-		4		-		4
8	70	松村 正人	HIGUCHI RT		-		-		-		-		-		3		-		3
9	21	秋山 辰夫	Ash		-		-		-		-		-		0		-		0
																			0
																			0
																			0
																			0
																			0
																			0
																			0
																			0
																			0
																			0

SL全国大会への有効ポイント順位となります。

RANK	No.	Driver	Entrant	Round.1		Round.2		Round.3		Round.4		Round.5		Round.6		Round.7		TOTAL	
				P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	P.P	R.P	無効pt.	有効pt.
1	42	谷 飛鳥	NUOVA KART racing		15	3	20	3	10		20	3	20		10	3	30	10	127
2	35	西野 來稀	Ash		-		15		20	3	15		10		-		-	0	63
3	29	大川 尚志	Ash		6		10		12		10		6		0		5	0	49
4	1	中原 蓮人	シロキヤKC		-		12		-		-		15		20		-	0	47
5	14	木村 大観	ATEAM Buzz Racing		-		-		15		0		0		6		22.5	0	43.5
6	73	河澄 柊大	Ash	3	20		3		-		0		8		3		4.5	0	41.5
7	18	原 知滉	Ash		12		0		0		12		3		2		6	0	35
8	66	壁谷 拓海	T.WEST RS		10		2		8		6		1		0		0	0	27
9	33	民部田 大祐	T.WEST RS		8		1		4		3		2		0		0	0	18
9	11	村田 鉄磨	Ash		-		-		-		-		-		-		18	0	18
11	26	梅村 悠斗	T-Style with ぶるーと		-		8		2		-		4		1		-	0	15
11	4	中野 貴介	LMS		-		-		-		-		-		15		-	0	15
11	85	西山 魁	team Farina		-		-		-		-		-	3	12		-	0	15
14	28	松井 柚華	TEAMぶるーと		-		4		6		-		0		0		3	0	13
15	23	本田 宙	Ash		-		-		-		-		12		-		-	0	12
15	50	梶尾 義朝	Ash		-		-		-		-		-		-		12	0	12
17	5	山中 星輝	ATEAM Buzz Racing		-		-		-		-		-		-		9	0	9
18	61	塚本 惟歩生	F.L.R		-		-		-		8		0		-		0	0	8
18	95	高橋 佳音	HIGUCHI RT		-		-		-		-		-		8		-	0	8
20	70	渡邊 直弥	ワコーズ with ぶるーと		-		6		0		-		-		0		-	0	6
21	41	木村 巧	ATEAM Buzz Racing		2		0		3		0		0		-		0	0	5
22	22	竹田 憲弘	T.WEST RS		3		0		1		-		0		0		0	0	4
22	27	高田 隼太郎	TEAMぶるーと		-		0		0		4		0		-		0	0	4
22	10	鈴木 颯	ATEAM Buzz Racing		4		0		0		0		0		0		0	0	4
22	17	丹治 海斗	T-Style with ぶるーと		-		-		-		-		-		4		-	0	4
26	31	丸山 隆道	アクアショットレーシングクラブ		-		-		-		2		-		-		-	0	2
27	34	大森 俊太郎	ガレージ茶畑		-		-		-		-		-		-		1.5	0	1.5
28	71	木戸 琢磨	ATEAM Buzz Racing		1		0		0		-		-		-		-	0	1
28	43	岡本 悠希	Ash		0		-		0		1		-		0		0	0	1
30	37	新村 瑠唯	F.L.R		0		-		-		-		-		-		0	0	0
30	64	渡部 世李香	ゲームオンレーシング-Y		-		-		-		-		-		0		-	0	0
30	20	宮島 花蓮	Ash with FRAGMENT		-		-		-		-		-		-		0	0	0
																			0
																			0

SL全国大会への有効ポイント順位となります。